

PHƯƠNG PHÁP ĐÓNG VAI QUA CÁC GIỜ LÀM VIỆC THEO NHÓM TRONG DẠY-HỌC TIẾNG ANH KHÔNG CHUYÊN THEO PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO TÍN CHỈ

NGUYỄN THỊ LINH YÊN*

Đặt vấn đề

Theo chương trình khung đào tạo cử nhân khoa học hiện nay do Bộ GD&ĐT và ĐHQG Hà Nội ban hành, ngoại ngữ chiếm một thời lượng khá lớn (từ 1/10 đến gần 1/3 số tín chỉ trong toàn khoá học), nhưng thực tế đào tạo vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu xã hội cũng như yêu cầu ngày càng cao của việc sử dụng ngoại ngữ trong công việc. Do vậy, bên cạnh việc chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ, cùng với việc đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao mặt bằng công nghệ để hỗ trợ quá trình giảng dạy, cần tích cực áp dụng các hình thức tổ chức dạy-học hiệu quả nhằm tăng cường, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. “Learning by doing” (học thông qua làm) là một cách tiếp cận rất hữu hiệu trong thực tế hiện nay để từng bước nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên ngữ.

1. Một số vấn đề lý luận và mối liên hệ trong dạy-học hiệu quả và dạy-học ngoại ngữ không chuyên

Theo tổng kết của John Collum¹ đã có trên 200.000 công trình nghiên cứu, 1.000.000 bài báo và 250.000 luận án về các vấn đề dạy-học. Hầu hết các kết quả nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn (kinh nghiệm thực tiễn đúc kết được từ những công việc giảng dạy thực tế của các giáo viên) đã và đang cố gắng đưa ra những kỹ thuật cụ thể và những phương pháp dạy-học tạo hiệu quả lớn.

Đề cập đến dạy-học hiệu quả tức là nói đến việc dạy-học lấy người học làm trung tâm (*Learner centered*), xây dựng chiến lược, quy trình dạy-học cụ thể nhằm tạo cơ hội cho sinh viên tham gia tích cực vào quá trình dạy và học. Yếu tố chính quyết định thành công ở đây là việc phát huy được năng lực học tập (trong đó năng lực tự học, tự nghiên cứu là cốt lõi), niềm tin vào sự thành công, niềm đam mê học tập, sáng tạo của sinh viên, vai trò điều khiển, tổ chức và quản lý quá trình dạy-học của giáo viên. Giáo viên

* TS., Bộ môn Tiếng nước ngoài, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN

¹ Rudolf Batliner & John Collum. SFSP Teaching Methodology Handbook. July, 2002, Agriculture Publishing House.

cần có khả năng đưa ra được những vấn đề, tình huống, câu hỏi kích thích tư duy của sinh viên, giao bài tập rõ ràng và biết đánh giá ngắn gọn, sâu sắc.

Để có thể áp dụng những điều được chỉ ra ở trên vào việc dạy-học ngoại ngữ không chuyên² (*teaching foreign languages for non-linguistic major students*) đem lại kết quả tốt, chúng ta cần xác định được một số nét đặc trưng của việc dạy-học ngoại ngữ không chuyên.

Trong dạy-học ngoại ngữ, việc lựa chọn cách tiếp cận ngôn ngữ giao tiếp đích (*Communicative Language Target - CLT*) giữ vai trò cực kỳ quan trọng. Một cách tổng thể, hoạt động lời nói vừa đóng vai trò là một *phương tiện giao tiếp*, hiện thực hoá tư duy, diễn đạt ý nghĩ, biểu đạt “cái muốn nói” (*speak out, express ideas*) trong các tình huống giao tiếp (đọc thông viết thạo ngoại ngữ), vừa là cái *đích giao tiếp* mà người học cần phải nhắm đến, đồng thời là một đối tượng nghiên cứu (ngoại ngữ như là một ngôn ngữ). Tuy nhiên, xét theo yêu cầu đối với sinh viên không chuyên ngữ, việc học ngoại ngữ không đi sâu vào các vấn đề nghiên cứu mô tả ngôn ngữ mà cần có các cơ hội gắn chặt ngôn ngữ (hoạt động lời nói) với kiến thức chuyên ngành.

Vậy, mục tiêu hàng đầu đặt ra đối với đào tạo ngoại ngữ bậc đại học là sau khi sử dụng được ngoại ngữ trong giao tiếp đời sống, sinh viên phải sử dụng được ngoại ngữ trong phạm vi chuyên môn của mình. Cụ thể là bước đầu sinh viên phải giao tiếp được theo những chủ đề đơn giản trong chuyên môn, trình bày được một số vấn đề cơ bản thuộc chuyên môn, đọc được tài liệu chuyên ngành, viết được báo cáo khoa học ngắn... bằng ngoại ngữ.

Từ những phản hồi của các nhà tuyển dụng, qua các hội thảo và đề tài khoa học nghiên cứu về thực trạng dạy-học ngoại ngữ ở các trường đại học nói chung, ở Đại học Quốc gia Hà Nội, trong đó có Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn nói riêng, có thể nói việc dạy-học ngoại ngữ hiện nay chưa đạt hiệu quả, đúng như mục tiêu chúng ta kỳ vọng. Sinh viên tốt nghiệp hầu như không đủ năng lực sử dụng ngoại ngữ để giao tiếp (nói và viết) và làm việc. Cần tìm ra nguyên nhân thực tế của tình trạng đó để đề ra những giải pháp thiết thực giúp cho việc đào tạo ngoại ngữ, cụ thể là môn tiếng Anh không chuyên, ngày càng đạt chất lượng cao.

Thời lượng dành cho đào tạo ngoại ngữ theo niên chế (28 – 88 /210 ĐVHT³) cũng như tín chỉ (14 – 44/ 140 TC⁴) ở trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN chiếm một phần

² Thuật ngữ “ngoại ngữ không chuyên” trong bài được hiểu là ngoại ngữ dành cho sinh viên không thuộc chuyên ngành ngoại ngữ (ví dụ: sinh viên các ngành KHXH&NV, khoa học tự nhiên, kinh tế học, khoa học công nghệ...)

³ ĐVHT - đơn vị học trình

rất lớn trong chương trình đào tạo cử nhân khoa học hiện nay. Hơn nữa, theo chương trình đào tạo, thời lượng dành cho phần nội dung thực hành tiếng của sinh viên không chuyên ngữ (của ĐHKHXH-NV và ĐHKHTN) và chuyên ngữ (của ĐHNN, ĐHQGHN) có độ chênh lệch không đáng kể.

Trong nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên, có thể kể đến lối tư duy dành cho “sinh viên không chuyên ngữ”: “ngưỡng”, “chuẩn” và cách kiểm tra đánh giá thường được thực hiện một cách tùy tiện trong thực tiễn dạy học ngoại ngữ không chuyên. Do vậy, quá trình dạy-học (chương trình tổng thể cũng như trong từng giờ học) cần nhắm đến việc rèn luyện kỹ năng cụ thể, cần áp dụng những phương pháp dạy-học hiệu quả để kích thích sự quan tâm, hứng thú, tham gia chủ động tích cực của sinh viên tạo một môi trường học tập khoa học, thân thiện, thoải mái.

2. Giờ làm việc theo nhóm trong dạy-học ngoại ngữ không chuyên theo tín chỉ

Thực hiện chủ trương của ĐHQGHN, từ năm học 2007-2008 trường ĐHKHXH&NV đã đi tiên phong trong việc chuyển đổi từ phương thức đào tạo niên chế sang học chế tín chỉ. Trường cũng đã triển khai mạnh mẽ việc biên soạn lại 1144 đề cương chi tiết cho các môn học liên quan, đã và đang biên soạn tập bài giảng và giáo trình, đồng thời áp dụng chúng vào quá trình giảng dạy cho sinh viên. Chương trình môn ngoại ngữ cơ sở và chuyên ngành cũng đã và đang được thiết kế, điều chỉnh lại cho phù hợp với việc chuyển đổi này.

Tuy nhiên, có thể nói rằng sau hai năm triển khai, những hình thức tổ chức cũng như các phương pháp dạy-học hiệu quả trên thực tế vẫn chưa được áp dụng một cách đồng bộ và tích cực. Tiến trình trên lớp học chủ yếu vẫn giải quyết các bài tập theo trình tự và theo gợi ý như trong giáo trình New Headway⁵ (điều này cũng được thể hiện qua đề cương Ngoại ngữ cơ sở tiếng Anh), tài liệu giảng dạy chưa được xử lý dựa trên thế mạnh của từng giáo viên cũng như đặc điểm của từng đối tượng lớp học cụ thể.

Theo quan điểm của chúng tôi, giáo viên ngoại ngữ có 2 nhiệm vụ chính cần thực hiện trong quá trình dạy học. Thứ nhất, cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền về ngoại ngữ (ngôn ngữ) cơ bản, rèn luyện những kỹ năng sử dụng ngoại ngữ ban đầu ở sinh viên, dạy cách học ngoại ngữ để người học có thể tự rèn luyện và nâng cao trình độ. Thứ hai, dạy ngoại ngữ chính là dạy giao tiếp, tạo cơ hội để người học được tăng

⁴ TC – tín chỉ

⁵ Liz & John Soars. New Headway (Elementary, Pre-Intermediate, Intermediate). Oxford University, 2000

cường giao tiếp, hòa nhập vào các tình huống giao tiếp thật trong đời sống, trải nghiệm những kinh nghiệm sống.

Do vậy, việc áp dụng hiệu quả các hình thức tổ chức dạy-học trên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp đặt ra những thách thức không nhỏ trong lộ trình nâng cao chất lượng dạy-học ngoại ngữ không chuyên.

Về mặt lí thuyết, việc tổ chức **dạy-học trên lớp** trong đào tạo tín chỉ thường diễn ra dưới 3 hình thức cơ bản sau: *giờ lý thuyết*, *giờ seminar* và *giờ làm việc theo nhóm*. Trong từng giờ học cụ thể, giáo viên cần tính toán, phối hợp sử dụng nhiều phương pháp dạy học nhằm tăng hiệu quả, chất lượng dạy học, đồng thời hướng dẫn cách học cho sinh viên.

Hình thức tổ chức *giờ làm việc theo nhóm* trong dạy-học ngoại ngữ không chuyên nhằm đạt được những yêu cầu sau:

- Tạo môi trường học tập hiệu quả: môi trường giao tiếp bằng ngoại ngữ;
- Tạo cơ hội cho sinh viên hình thành và phát triển các năng lực giao tiếp ngoại ngữ (nghe, nói, đọc, viết);
- Tạo cơ hội cho sinh viên hình thành và phát triển các kỹ năng mềm: tư duy tích cực, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề, kỹ năng thuyết trình, tranh biện, hợp tác, kỹ năng chia sẻ, chấp nhận sự đa dạng...;
- Tạo cơ hội cho việc áp dụng đánh giá theo năng lực (*Competence based assessment*), tự đánh giá và cùng đánh giá.

Trong các giờ làm việc theo nhóm, lớp học được chia thành các nhóm học tập với số lượng sinh viên hợp lý trong mỗi nhóm (trên thực tế, việc phân chia các nhóm này rất đa dạng: chia ngẫu nhiên, lập nhóm theo năng lực, sở thích, hứng thú...; số lượng thành viên mỗi nhóm có thể dao động từ 3-8 sinh viên; các nhóm có thể được duy trì trong một hoặc nhiều chủ đề khác nhau, trong suốt quá trình hoặc một số giờ lên lớp...).

Nội dung, nhiệm vụ, tình huống học tập được chia thành các vấn đề giao cho các nhóm thực hiện dưới sự điều khiển, tổ chức và quản lí của giáo viên. Tùy thuộc vào mục tiêu và nội dung giao tiếp, các nhóm có thể nhận cùng hoặc các nhiệm vụ khác nhau. Kết quả làm việc của từng nhóm được trình bày công khai, chia sẻ với các nhóm khác trong lớp.

Trong giờ làm việc theo nhóm, giáo viên luôn đóng vai trò người hướng dẫn, hỗ trợ, điều khiển, giám sát và quản lý tình huống, nhiệm vụ giao tiếp ngôn ngữ.

Một số điểm cần lưu ý khi thực hiện giờ làm việc theo nhóm:

- Chia nhóm: đảm bảo số lượng hợp lý (3-8), chất lượng đồng đều (tương đối). Thực tế cho thấy nên chia nhóm học tập ngay từ đầu khoá học, duy trì nhóm học tập trong suốt quá trình triển khai môn học nhằm tăng hiệu quả làm việc;
- Nhiệm vụ của nhóm trong tình huống hoạt động lời nói cần giải quyết phải đủ lớn, mang tính thách thức cao, có tính vấn đề sâu sắc (đảm bảo phải huy động sự tham gia của mọi thành viên trong nhóm...);
- Cam kết trách nhiệm: đăng ký nhận nhiệm vụ, phân công trách nhiệm của từng thành viên (hợp đồng học tập, biên bản làm việc nhóm, ý kiến nhận xét của nhóm...);
- Hình thức, tiêu chí đánh giá: chi tiết, rõ ràng, công khai trước khi các nhóm làm việc (chú ý đến các tiêu chí đánh giá kỹ năng hoạt động lời nói và làm việc hợp tác). Kết quả làm việc của từng nhóm cũng phải được đánh giá công khai trước lớp. Trong các hoạt động của giờ làm việc theo nhóm nên tăng cường sử dụng các bản đánh giá theo tiêu chí và mức độ hoàn thành công việc (Rubric).
- Cần áp dụng đa dạng các phương pháp tích cực: dự án, nêu vấn đề, trình diễn, đóng vai, mô phỏng, trò chơi...

Tuy nhiên, trong thực tế triển khai dạy-học tiếng Anh chuyên ngành tại Trường ĐHKHXH-NV, việc tổ chức được các giờ lên lớp làm việc theo nhóm một cách hiệu quả vẫn đang là một thách thức lớn đối với các giáo viên bộ môn ngoại ngữ.

3. Phương pháp đóng vai trong giờ làm việc theo nhóm theo học chế tín chỉ

Năm 1956, Benjamin Bloom đã xây dựng được *bảng phân hạng cấp độ nhận thức* (Bloom Taxonomy) ⁶ gồm *nhớ* (knowledge), *hiểu* (comprehension), *vận dụng* (application), *phân tích* (analysis), *tổng hợp* (synthesis) và *đánh giá* (evaluation). Kết quả này đã được vận dụng trong hơn bốn thập kỉ qua và khẳng định được ưu điểm của phương pháp dạy-học nhằm khuyến khích và phát triển khả năng tư duy của người học ở mức độ cao.

Các phương pháp dạy-học hiệu quả thông qua hình thức hoạt động hợp tác (nhóm/cặp) như thảo luận, trình diễn, đóng vai, diễn kịch, mô phỏng, trò chơi, nghiên cứu tình huống thực, dự án... cho phép người học tham gia tích cực vào quá trình dạy và học. Trong khuôn khổ của một bài báo chúng tôi chỉ tập trung giới thiệu phương

⁶ Bloom B.S. (1956). *Taxonomy of Educational Objectives, Handbook I: The Cognitive Domain*. New York, David McKay Co Inc.

pháp đóng vai (role-play) và chia sẻ kinh nghiệm cũng như đề xuất giải pháp khắc phục những hạn chế từ việc áp dụng phương pháp này trong đào tạo tiếng Anh cho sinh viên của trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN.

Theo John Collum, đóng vai là một phương pháp dạy-học đơn giản nhưng khá hiệu quả trong việc giảng dạy những khái niệm cơ bản về quan hệ giữa người với người và để nhận thức được bản chất tại sao các cá thể phản ứng như vậy trong những hoàn cảnh khác nhau. Phương pháp này cho phép người học quan sát được các phản ứng của mình từ góc nhìn khách quan, nhận thức được bản thân trong vai diễn, cảm nhận được tình cảm của mình cũng như cảm nhận của nhân vật - bạn diễn khác. Đóng vai được biết đến như một phương pháp dạy-học hiệu quả, đặc biệt khi mục tiêu học tập liên quan đến kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống, quan điểm, thái độ.

Khi được sử dụng hợp lý, phương pháp đóng vai sẽ đem lại nhiều kết quả hữu ích như: kích thích sự hứng thú và tham gia của người học, cho phép nhận thức được các vai mà học viên có thể thể hiện được trong đời thực và chỉ ra hiệu quả của nó, dạy người học cách thể hiện các vai mới, cung cấp cho người học những ví dụ cụ thể về cách cư xử chứ không chỉ đơn thuần là nói về tình huống, giúp phát triển kỹ năng giao tiếp ở học viên, giúp họ có được thái độ cảm thông và hiểu được quan điểm của người khác, phát triển được ở người học cách diễn đạt ý kiến và tình cảm của họ, giúp họ làm quen với các vấn đề và các giải pháp có thể có...

Có thể chia ra ba kiểu đóng vai: *đổi vai*, *đóng nhân vật* và *đóng (diễn) tình thế (tình huống)*.

Trong kiểu “đổi vai”, các thành viên của nhóm giả định các vai của những người (cụ thể) khác mà họ có quan hệ tương tác. Trong “đóng nhân vật” mỗi học viên sẽ được cung cấp hệ thống các dữ kiện về người mà họ sẽ đóng vai cùng với bối cảnh mà sự kiện được diễn ra. Trong “đóng tình huống” học viên sẽ được tự do đóng vai (diễn hình) theo cách họ hình dung, nhận thức về nhân vật, sự kiện cũng như bối cảnh hoạt động của nhân vật.

Phạm vi lựa chọn chủ đề đóng vai rất rộng vì hầu như tất cả các tình huống, quan hệ và vấn đề nảy sinh giữa con người và con người trong thực tế cuộc sống đều có thể áp dụng được.

Quy trình dạy-học áp dụng phương pháp đóng vai: giới thiệu với học viên tình huống sẽ đóng vai, thảo luận và giúp họ hiểu vấn đề tình huống, định hướng cho học viên về vai diễn của họ, cho họ thời gian (10 – 15 phút) suy nghĩ về tình huống và vai

diễn của họ, cung cấp cho người học các dữ liệu cần thiết hỗ trợ các quá trình chuẩn bị, tiến hành đóng vai và thảo luận sau khi đóng vai.

Những lưu ý khi tiến hành hoạt động đóng vai: không nên giao đóng những vai liên quan đến những vấn đề cá nhân của người học, khi phân tích tình huống đóng vai chỉ nên nói về vai diễn chứ không nói về diễn viên, tránh những tình huống gây bối rối cho các thành viên của nhóm, gắn phần đóng vai với bài học chứ không gắn với mục đích lấp chỗ trống, tránh tranh luận khi đang diễn...

Trên quan điểm đó khi áp dụng phương pháp đóng vai, sau mỗi vai diễn người học sẽ lĩnh hội được các hiện tượng ngôn ngữ (ngoại ngữ), rèn luyện kỹ năng giao tiếp (nói, viết, nghe) đồng thời được trải nghiệm cuộc sống từ những tình huống vừa diễn.

Trong hai năm học vừa qua chúng tôi đã có những cố gắng áp dụng thử nghiệm (trong điều kiện cho phép) các phương pháp dạy-học hiệu quả trong việc đào tạo ngoại ngữ cho một số sinh viên K52, K53 (các lớp thuộc chuyên ngành quốc tế học, du lịch và báo chí) của Trường và cũng đã rút ra được một số nhận xét bước đầu.

Hoàn toàn phù hợp với lý thuyết về phương pháp dạy-học hiệu quả, việc áp dụng phương pháp đóng vai đã gây hứng thú, kích thích sinh viên học tập. Giờ học trở nên thoải mái hơn, sinh viên rất hăng hái, tích cực tham gia vào công việc của mình. Chất lượng những giờ học như vậy ở các lớp cũng có sự khác biệt phụ thuộc vào khả năng sử dụng, trình độ ngoại ngữ của sinh viên từng lớp. Ví dụ sinh viên của lớp A chuyên ngành quốc tế học (với “đầu vào” chủ yếu khối D) xử lý tình huống tốt hơn, tự tin hơn sinh viên lớp C cùng chuyên ngành (“đầu vào” là khối C). Tuy vậy, sinh viên có chung một đặc điểm là rất vui vẻ và cố gắng hết mình để hoàn thành bài tập được giao. Thậm chí một số sinh viên ở lớp C đã phát biểu thấy thích học tiếng Anh hơn, cố gắng xem bài trước ở nhà kỹ hơn. Từ thực tế khi đóng vai, một số sinh viên thấy bức xúc vì mình không đủ khả năng diễn đạt hoặc diễn đạt chưa tốt ý của mình nên quyết tâm dành nhiều thì giờ và sức lực hơn để nâng cao trình độ tiếng Anh.

Phương pháp đóng vai có thể áp dụng được trong rất nhiều tình huống, cho nhiều dạng bài tập và giúp kết hợp rèn luyện được nhiều kỹ năng trong cùng một hoạt động. Chúng tôi xin đơn cử cách thức tổ chức triển khai một số bài nghe và bài đọc (trong giáo trình New Headway, Pre-Intermediate) đã được xử lý và áp dụng hoạt động đóng vai.

Với bài nghe “The Burglars’ Friend” hoặc “The Perfect Crime” (Unit 3) chúng tôi đã sử dụng những bài tập gợi ý trong giáo trình như nghe/đọc nội dung câu chuyện, sửa

những thông tin sai/chọn thông tin đúng về nội dung chuyện, đặt câu hỏi/trả lời về nội dung được nghe liên quan đến câu chuyện thành việc giới thiệu, thảo luận về tình huống (nội dung câu chuyện). Sau khi đã hiểu rõ nội dung câu chuyện, sinh viên bàn luận thêm và phân vai trong nhóm của mình và đã có cơ hội kể lại câu chuyện, thực hành tiếng Anh như trong một tình huống hiện thực. Với bài đọc “A Tale of Two Millionaires” (Unit 6) sinh viên được dành một lượng thời gian nhất định (khoảng 15 – 20 phút) để đọc nắm nội dung, tranh luận và phân vai trong nhóm, sau đó trình bày kết quả của mình trước lớp. Họ đã trình bày vai diễn nhiệt tình và có những ý tưởng sáng tạo khá thú vị.

Phần nhận xét đánh giá cũng là phần quan trọng trong việc áp dụng phương pháp dạy-học này. Sau từng phần trình bày của các nhóm hoặc sau phần trình bày của tất cả các nhóm, các thành viên trong lớp nhận xét về vai diễn, về việc sử dụng ngôn ngữ của các vai. Đây cũng là cơ hội để sinh viên thực hành việc phát biểu ý kiến riêng, bình luận, khen, chê các nhân vật. Điều đó giúp rèn luyện cho sinh viên kỹ năng làm việc với cộng sự sau này, sự tự tin và đồng thời đó cũng là một cơ hội tốt để thực hành tiếng Anh. Giáo viên đưa ra nhận xét, đánh giá tổng quan công việc, kết quả và cho điểm từng thành viên cũng như cả nhóm.

4. Một số bài học kinh nghiệm

Từ thực tế áp dụng các phương pháp dạy-học hiệu quả nói chung và phương pháp đóng vai nói riêng vào quá trình đào tạo ngoại ngữ theo học chế tín chỉ trong thời gian qua chúng tôi xin được trao đổi, chia sẻ một số kinh nghiệm như sau. Do đặc điểm sinh viên của chúng ta có trình độ ngoại ngữ không đồng đều trong một lớp, một số có khả năng ngôn ngữ tốt nhưng lại rụt rè giao tiếp nên khi phân nhóm cần lưu ý những đặc điểm đó để tạo sự thi đua công bằng và gây hứng thú cho cả lớp. Sinh viên chưa có thói quen và kinh nghiệm làm việc theo nhóm, nên cũng cần xác định rõ vai trò trưởng nhóm trong việc tập điều hành và khuấy động nhóm của mình, vai trò thư ký nhóm để phối hợp cùng các thành viên một cách linh hoạt. Tuy không hạn chế số lượng người trong nhóm, nhưng theo kinh nghiệm, chúng tôi thấy, với những lớp có sĩ số khoảng 30 – 32 như hiện nay, chúng ta có thể chia thành 4 nhóm để bảo đảm đủ thời gian trình bày kết quả cho các nhóm. Sinh viên chưa có thói quen cũng như điều kiện để học ngoại ngữ theo nhóm ngoài giờ lên lớp nên vấn đề dành thời gian chuẩn bị trong giờ cũng bị hạn chế rất nhiều. Trong lúc tranh luận và chuẩn bị vai diễn sinh viên có xu hướng ghi ra những lời thoại cụ thể (replies) để học thuộc lòng. Như vậy vừa mất thời gian, đồng thời sinh viên sẽ bị trạng thái “đông cứng”, không thoải mái khi diễn. Điều đó cũng không

sát với thực tế vì giao tiếp trong đời sống không thể định trước bằng các câu thoại học thuộc lòng hay các tình huống định sẵn...

Giải pháp khắc phục tình trạng “khuôn mẫu” trong giao tiếp có thể là:

- Định hướng tình huống giao tiếp, nhiệm vụ giao tiếp (hướng cho sinh viên vào các nội dung chính cần theo, chia nhỏ nội dung chính thành những nhiệm vụ giao tiếp cụ thể - communicative tasks);

- Cung cấp các công cụ ngôn ngữ cần thiết trong giao tiếp (từ, cụm từ, mẫu câu, nghi thức lời nói...);

- Tạo cơ hội, môi trường “an toàn” để sử dụng, phối hợp nhiều phương tiện giao tiếp (khi đóng vai người học chỉ cần nhớ các nhiệm vụ cụ thể, chủ động, tích cực vận dụng các kiến thức kỹ năng cá nhân để thực hiện giao tiếp nhằm đạt được mục đích giao tiếp; người học sẽ giao tiếp thoải mái và chủ động khi họ được sử dụng các phương tiện giao tiếp đa dạng: lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ... Ví dụ: để thể hiện, diễn đạt ý “anh ấy là anh rể của tôi”, người học có thể vận dụng các từ đã được học để nói “anh ấy là chồng của chị tôi”, “chị tôi là vợ anh ấy”, “anh ấy lấy chị tôi” hay “ấy là con trai của mẹ chồng chị tôi”...;

- Tăng cường khả năng tương tác, giao tiếp giữa người học với người học, người học với người dạy;

- Việc triển khai vận dụng phương pháp đóng vai cần được chuẩn bị, tính toán cân nhắc cẩn thận dựa trên những mục tiêu dạy-học cụ thể của từng bài, nội dung giao tiếp và năng lực thực tế của sinh viên, phân bổ thời gian và các điều kiện cơ sở vật chất kèm theo. Theo chúng tôi, giáo viên nên nghiên cứu, phân tích kỹ nội dung chương trình để có thể tích hợp nội dung giao tiếp thành những cụm chủ đề chính (*The topic complex*), tránh áp dụng phương pháp này tràn lan trong tất cả các giờ học.

- Để triển khai áp dụng phương pháp này một cách hiệu quả, sinh viên cần chuẩn bị trước nội dung ngôn ngữ, tình huống giao tiếp theo các nhiệm vụ cụ thể. Nên phối hợp tăng cường các phương tiện, thiết bị trực quan (video, file âm thanh, poster, projector...). Giáo viên cần phải hiểu rõ vai trò chủ đạo trong việc định hướng, điều khiển và tổ chức các quá trình giao tiếp (theo chủ đề nội dung). Cần đảm bảo một môi trường học tập, tâm lý an toàn, tự nhiên và “khích lệ cạnh tranh”. Mặt khác, giáo viên cần xây dựng trước các “nhóm/cá nhân hạt nhân” (*active speaker*), luân phiên trao đổi nhiệm vụ giữa các nhóm/cá nhân trong các chủ đề khác nhau.

- Cần linh hoạt trong cách kiểm tra đánh giá: xây dựng tiêu chí đánh giá hợp lý theo trọng số giữa kiến thức, kỹ năng và sự tích cực trong giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ.

Tóm lại, qua việc áp dụng phương pháp dạy-học đóng vai, sinh viên bước đầu đã có hứng thú tham gia tích cực vào quá trình học trên lớp, có được những kinh nghiệm nhận biết và giải quyết tình huống gần với thực tế đa dạng của cuộc sống, tập được những kỹ năng làm việc tập thể, biết phát huy sức mạnh cá nhân, học hỏi và chia sẻ với người khác, xác định được trình độ thực cũng như nhu cầu về ngoại ngữ của mình để có được thái độ thích hợp trong việc trau dồi và nâng cao trình độ.

Kết luận

Dạy-học ngoại ngữ theo quan điểm giao tiếp ngôn ngữ đích (*Communicative Language Target – CLT*) cần được áp dụng triệt để trong quá trình dạy-học ngoại ngữ cho sinh viên không chuyên hiện nay. Cách tiếp cận này cần được cụ thể hoá thành những hình thức tổ chức, phương pháp, kỹ thuật dạy-học cụ thể phù hợp với mục tiêu, nội dung và hình thức tổ chức dạy-học trong từng môn học, khoá học. Qua đó có thể tạo động cơ học tập, ứng dụng vào giao tiếp các kiến thức và năng lực ngoại ngữ của sinh viên: *dạy-học thông qua các hoạt động giao tiếp, dạy-học thông qua việc đánh giá và tự đánh giá trong chính hoạt động giao tiếp*.

Một thực tế cuộc sống đã được kiểm nghiệm và đặc biệt đúng trong thời đại ngày nay, đó là “học” thông qua “hành”, thông qua làm – learning by doing. Qua những vấn đề được nghiên cứu và phân tích trên, qua thực tế giảng dạy, chúng tôi tin chắc rằng khi chúng ta có chuyên môn, có nhiệt huyết để áp dụng hình thức tổ chức, phương pháp dạy học hiệu quả, ngoài ra mạnh dạn thay đổi cách thức kiểm tra, đánh giá hiện hành (theo điều tra sơ bộ của chúng tôi, hệ thống kiểm tra, đánh giá hiện hành còn nhiều bất cập cần được “mổ xẻ”, điều chỉnh thích hợp để giúp nâng cao chất lượng đào tạo⁷) thì chất lượng đào tạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, cho sinh viên trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN – những cử nhân, những chuyên gia tương lai của đất nước sẽ ngày một nâng cao và phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Chiến lược phát triển giáo dục 2001 – 2010. Nxb. Chính trị Quốc gia, 2001
2. A. B. Хуторской. Современная педагогика. Изд-во: Питер, 2000
3. Integrating ICT into Education. UNESCO press. Series 2004

⁷ Nghiên cứu cơ sở lý luận dạy-học tích cực trong đào tạo ngoại ngữ (tiếng Anh) theo học chế tín chỉ tại trường ĐHKHXH&NV, ĐHQGHN (Đề tài T.09.12, Chủ trì: TS. Nguyễn Thị Linh Yên)

4. Rudolf Batliner, John Collum. SFSP Teaching Methodology Handbook. Agriculture Publish House. Swisscontact. July, 2002
5. Bloom B.S. (1956). Taxonomy of Educational Objectives, Handbook I: The Cognitive Domain. New York, David McKay Co Inc
6. Millis, B. J. & Cottell, P. (1998) Cooperative learning for higher education. American Council for Education. Phoenix, Arizona: Oryx press.
7. Tôn Quang Cường. Các hình thức dạy-học trong mối quan hệ với phương pháp dạy-học, kiểm tra, đánh giá trong đào tạo theo tín chỉ. Kỳ yếu hội thảo “Đánh giá triển khai đào tạo theo tín chỉ tại Khoa Sư phạm-ĐHQGHN”. Khoa Sư phạm-ĐHQGHN, 6/2008.
8. Nguyễn Thị Linh Yên. Đổi mới phương pháp dạy ngoại ngữ không chuyên theo hướng tăng cường sử dụng CNTT. Kỳ yếu hội thảo “Đổi mới phương pháp và tổ chức giảng dạy ngoại ngữ” trường ĐHKHXH&NV, ĐHTN, ĐHQGHN, 2004
9. Nguyễn Thị Linh Yên. Dạy-học hiệu quả và việc áp dụng phương pháp đóng vai trong đào tạo ngoại ngữ không chuyên theo học chế tín chỉ. Kỳ yếu Hội thảo "Một năm đào tạo theo học chế tín chỉ", Trường ĐH KHXH&NV - ĐHQG Hà Nội, 21/06/2008
10. Liz & John Soars. New Headway (Elementary, Pre-Intermediate, Intermediate). Oxford University, 2000
11. www.unesco.org, www.intel.com/education